

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021

MÔN : SINH 8

(Ban hành theo kế hoạch số : 96/KH-THCSYĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

Cả năm: 35 tuần = 70 tiết

Học kì I: 18 tuần = 36 tiết

Học kì II: 17 tuần = 34 tiết

STT	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Nội dung GD tích hợp	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
HỌC KỲ I 18 tuần (2 tiết/tuần) = 36 tiết							
1	1	Bài 1- Bài mở đầu	1. Kiến thức: - Nêu được mục đích và ý nghĩa kiến thức phần cơ thể người. - Xác định được vị trí con người trong giới động vật. - Nêu được các phương pháp học tập đặc thù của môn học. 2. Kỹ năng. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin phát hiện kiến thức. 3.Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự	- H1.1-3 Sgk			

			học, Năng lực tư duy sáng tạo, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học				
Chương I: Khái quát về cơ thể người							
2	2	Bài 2- Cấu tạo cơ thể người	1. Kiến thức: - Nêu được đặc điểm cơ thể người - Xác định được vị trí các cơ quan và hệ cơ quan của cơ thể trên mô hình. Nêu rõ được tính thống nhất trong hoạt động của các hệ cơ quan dưới sự chỉ đạo của hệ thần kinh và hệ nội tiết 2. Kỹ năng. - Rèn luyện cho học sinh kỹ năng quan sát hình vẽ, mô hình, làm việc theo nhóm và làm việc với tài liệu tham khảo. 3. Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	- Mô hình tháo nắp các cơ quan trong cơ thể người - Tranh: Cơ thể người - Tranh: Các cơ quan ở phần thân của cơ thể người	*GDĐĐ: Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật; Có tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức...		
3	3	Bài 3- Tế bào	1. Kiến thức: - Mô tả được các thành phần cấu tạo của tế bào phù hợp với chức năng của chúng. Đồng thời xác định rõ tế bào là đơn vị cấu tạo và đơn vị chức năng	Máy tính, máy chiếu		- Mục II. Lệnh ▼ trang 11- Không thực hiện - Mục III.	

			của cơ thể. 2. Kỹ năng. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin phát hiện kiến thức. 3.Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học			Thành phần hóa học của tế bào- Không dạy	
4	4	Bài 4- Mô	1. Kiến thức: - Nêu được định nghĩa mô, kể được các loại mô chính và chức năng của chúng. 2. Kỹ năng. - Có kĩ năng phân biệt được các loại mô trên từng cơ quan của cơ thể 3.Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Máy tính, máy chiếu		- Mục II. Các loại mô- Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài. - Mục I. Lệnh ▼ trang 14; Mục II. 1.Lệnh ▼ trang 14; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 15; Mục II.3. Lệnh ▼ trang 15- Không thực hiện	
5	5	Bài 5- Thực hành:	1. Kiến thức: - Chuẩn bị được tiêu bản tạm thời mô	- Kính hiển vi	* Kỹ năng sống: - Kỹ năng hợp tác nhóm		

		QS tế bào và mô cơ vân. - Quan sát và vẽ các tế bào trong tiêu bản đã làm sẵn: tế bào niêm mạc miệng (mô biểu bì), mô sụn, mô xương, mô cơ vân, mô cơ trơn. Phân biệt các bộ phận chính của tế bào gồm màng sinh chất, tế bào chất và nhân. - Phân biệt được điểm khác nhau của mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết. 2. Kỹ năng. - Có kỹ năng phân biệt được các loại mô trên từng cơ quan của cơ thể 3.Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học, Năng lực thực hiện trong PTN	- Bộ tiêu bản các loại mô - La men, lam kính, kim nhọn. - Dd Axit axetic 1%	để chuẩn bị mẫu thuần và quan sát. - Kỹ năng chia sẻ thông tin đó quan sát được. - Kỹ năng quản lý thời gian, đảm nhận trách nhiệm được phân công.		
6	6	Bài 6 - Phản xạ 1. Kiến thức: Chứng minh phản xạ là cơ sở của mọi hoạt động của cơ thể bằng các ví dụ cụ thể. 2. Kỹ năng. - Hình thành kỹ năng phân tích kênh hình, hoạt động nhóm nhỏ 3.Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học,	- Tranh phóng to hình 6-1, 6-2 SGK	* GDĐĐ: Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật; Có tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức...	- Mục I. Lệnh ▼ trang 21; Mục II.2. Lệnh ▼ trang 21- Không thực hiện - Mục II.3. Vòng phản xạ - Khuyến khích học sinh tự đọc	

			Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học				
Chương II- Chủ đề : Vận động (6 tiết Bài 7, 8, 9, 10, 11, 12)							
7	7, 8, 9,10, 11,12	Chủ đề: Vận động	1. Kiến thức: - Nêu ý nghĩa của hệ vận động trong đời sống. - Kể tên các phần của bộ xương người - các loại khớp - Nêu được cấu tạo, thành phần, tính chất của xương dài. Từ đó giải thích được sự lớn lên, dài ra của xương và khả năng chịu lực của xương. - Xác định được thành phần hoá học của xương để chứng minh được tính đàn hồi và cứng rắn của xương. - Giải thích được tính chất căn bản của cơ là sự co cơ và nêu được ý nghĩa của sự co cơ. - Nêu được mối quan hệ giữa cơ và xương trong sự vận động: cơ co giúp xương cử động tạo sự vận động. - Trình bày được nguyên nhân sự mỏi cơ và nêu biện pháp chống mỏi cơ. - HS thấy được sự cần thiết của rèn luyện và lao động, để cơ và xương phát triển cân đối. - HS nêu được các điểm tiến hóa của bộ xương người so với thú: xương sọ,		*KNS: + KN tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh hình để tìm hiểu hoạt động của cơ, xác định nguyên nhân mỏi cơ và đề ra biện + KN đặt mục tiêu: rèn luyện thể dục thể thao để tăng cường hoạt động của cơ, để tìm hiểu sự tiến hóa của hệ vận động ở người so với thú. + KN giải quyết vấn đề: xác định nguyên nhân của hiện tượng mỏi cơ và cách khắc phục. Khi xác định cách luyện tập thể thao, lao động vừa sức, kĩ năng ra quyết định khi xác định thói quen rèn luyện thể thao thường xuyên, lao động vừa	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 6 tiết - Mục II. Phân biệt các loại xương-Khuyết khích học sinh tự đọc Mục I. Cấu tạo của xương; Mục III. Thành phần hóa học và tính chất của xương- Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài. Mục I. Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ-Khuyết khích học sinh	
		Bài 7- Bộ xương		- Mô hình bộ xương; Tranh bộ xương			
		Bài 8- Cấu tạo và tính chất của xương		- Máy tính, máy chiếu - Tranh phóng to hình 8-1 đến hình 8-7 SGK			
		Bài 9- Cấu tạo và tính chất của cơ		Máy tính, máy chiếu			

			tỉ lệ sọ với mặt, lồng ngực, cột sống, lồng ngực, xương chậu, xương đùi, xương bàn chân, xương gót chân, tỉ lệ tay so với chân. - Nêu ý nghĩa của việc rèn luyện và lao động đối với sự phát triển bình thường của hệ cơ và xương. Nêu các biện pháp chống cong vẹo cột sống ở HS. - HS biết được nguyên nhân gây xương để tự phòng tránh. - Nắm được cách sơ cứu khi gặp người gãy xương. - Nắm được các bước băng cố định xương bị gãy (xương cẳng tay, cẳng chân). 2. Kỹ năng. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, thí nghiệm, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Rèn luyện, nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát. - Rèn kỹ năng thực hành: + Biết cách sơ cứu khi gặp người gãy xương. + Biết băng cố định xương bị gãy, cụ thể xương cẳng tay, cẳng chân. 3.Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, vệ sinh hệ cơ, xương. - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. 4. Phát triển năng lực:	Máy tính, máy chiếu Tranh phóng to H11.1-11.3 SGK Bảng phụ & phiếu học tập - Dụng cụ nẹp, băng y tế, dây, vải, tranh hướng dẫn cách sơ cứu và băng bó cho người gãy xương.	sức, làm việc đúng tư thế. + KN so sánh phân biệt, khái quát khi tìm hiểu sự tiến hóa của hệ vận động. + KN tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. + KN ứng phó với các tình huống để bảo vệ bản thân hay tự sơ cứu, băng bó khi bị gãy xương. + KN hợp tác trong thực hành. + KN tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu phương pháp sơ cứu và băng bó cho người gãy xương. *GDĐĐ: Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng sinh lí của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể; Tự do, yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm giữ vệ sinh cá nhân và môi trường sống; Tôn trọng những thành tựu của khoa học	tự đọc - Mục I. Công cơ-Không dạy - Mục II. Lệnh ▼ trang 34-Không thực hiện - Mục I. Bảng 11-Không thực hiện - Mục II. Sự tiến hóa của hệ cơ người so với hệ cơ thú-Không dạy	
	Bài 10- Hoạt động của cơ						
	Bài 11- Tiến hóa hệ vận động- Vệ sinh hệ vận động						
	Bài 12- Thực hành: Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương						

			- Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		trong nghiên cứu cơ thể người. Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học; Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết; phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung.		
Chương III- Chủ đề: Tuần hoàn (7 tiết- Từ bài 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19)							
		Chủ đề: Tuần hoàn				Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 7 tiết	
8	13	Bài 13: Máu và môi trường trong cơ thể	1. Kiến thức: - Nêu được TP cấu tạo và chức năng của máu (huyết tương và các tế bào máu). - Trình bày được thành phần và vai trò của môi trường trong cơ thể. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn	Tranh phóng to H13.1- 13.2 SGK	*KNS: + KN tìm kiếm và xử lý thông tin + KN giao tiếp, lắng nghe tích cực khi hoạt động nhóm. + KN tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. + KN giải quyết vấn đề + KN ra quyết định rèn luyện sức khỏe + Kỹ năng hợp tác, ứng xử, giao tiếp trong thực hành	Mục I.1. Nội dung ■ Thí nghiệm-Giáo viên mô tả thí nghiệm, không yêu cầu học sinh thực hiện.	

		- Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		+ Kỹ năng quản lý thời gian và đảm nhận trách nhiệm trong thực hành, viết BCTH. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể, tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người		
14	Bài 14- Bạch cầu – Miễn dịch	1. Kiến thức: - HS nắm được 3 hàng rào bảo vệ cơ thể khỏi tác nhân gây viêm nhiễm. - Trình bày được khái niệm miễn dịch. - Phân biệt được miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo. - Nêu khái niệm, cơ chế hiện tượng đông máu và ý nghĩa của sự đông máu, ứng dụng. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn	Tranh phóng to H14.1- 14.4 SGK	+ Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm giữ vệ sinh cá nhân và môi trường sống + Sống giản dị, hòa bình, yêu thương và hạnh phúc với mọi người + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học + Vì sao phải tiêm phòng -> trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ cơ thể khỏi các bệnh do vi khuẩn, virus gây ra		

		4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học				
15	Bài 15- Đông máu và nguyên tắc truyền máu	1. Kiến thức: - Nêu được các loại nhóm máu của người, ý nghĩa của sự truyền máu . Cơ chế truyền máu và nguyên tắc truyền máu 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp. 3.Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ	Tranh phóng to H15.SGK			

			- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học				
	16	Bài 16 - Tuần hoàn máu và lưu thông Bạch huyết	1. Kiến thức - HS nắm được các thành phần cấu tạo của hệ tuần hoàn máu và chức năng của chúng. - Nắm được các thành phần cấu tạo của hệ bạch huyết và vai trò của chúng. - Trình bày được sơ đồ vận chuyển máu và bạch huyết trong cơ thể. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu	Tranh phóng to H16.1-16.3 SGK		Mục II. Lệnh ▼ trang 52- Không thực hiện	

			khoa học			
17	Bài 17 - Tim và mạch máu	1.Kiến thức: - Phân tích được cấu tạo ngoài và trong phù hợp với chức năng của tim. - Phân biệt được các loại mạch máu, cấu tạo phù hợp với chức năng của chúng. - Nêu được chu kì hoạt động của tim (nhịp tim, thể tích/phút). 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp, tập đếm nhịp tim lúc nghỉ và khi hoạt động 3.Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to H17.1-17.3 SGK		Mục I. Lệnh ▼ trang 54; Bảng 17.1; Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3-Không thực hiện	
18	Bài 18- Vận	1.Kiến thức: - Nêu được khái niệm huyết áp.	Tranh phóng to H18.1-			

		chuyển máu qua hệ mạch – Vệ sinh hệ tuần hoàn	- Trình bày sự thay đổi tốc độ vận chuyển máu trong các đoạn mạch, ý nghĩa của tốc độ máu chậm trong mao mạch. - Nêu các tác nhân gây hại cho tim mạch và các biện pháp phòng tránh tương ứng. 2. Kỹ năng. - Khái quát hóa kiến thức, thông hiểu. - Nhận biết, tái hiện kiến thức; phân tích, so sánh. - Vận dụng kiến thức giải quyết bài tập. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức nghiêm túc, tự giác trong làm bài KT 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học	18.2 SGK			
	19	Bài 19 - Thực hành: sơ cứu cầm máu	1. Kiến thức: - Trình bày được các khái niệm chảy máu tĩnh mạch, động mạch và mao mạch - Trình bày được các thao tác sơ cứu khi chảy máu nhiều. 2. Kỹ năng.	Bảng phụ, băng gạc, dây cao su mỏng, vải mềm sạch, bông. Tranh hướng dẫn			

			- Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. - Quan sát tranh, hình SGK, nghiên cứu thông tin, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Kỹ năng tư duy, tổng hợp, tập đếm nhịp tim lúc nghỉ và khi hoạt động. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ tuần hoàn - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi làm bài thực hành. Biết giúp đỡ người bị nạn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	cách sơ cứu cầm máu.			
9	20	Đánh giá giữa kỳ	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức của HS từ chương I tới chương III, đánh giá năng lực học tập của HS. - Thấy ưu, nhược điểm của HS giúp GV tìm nguyên nhân, điều chỉnh và đề ra phương án giải quyết giúp HS học tập tốt. 2. Kỹ năng. - Khái quát hóa kiến thức, thông hiểu. - Nhận biết, tái hiện kiến thức; phân				

			tích, so sánh. - Vận dụng kiến thức giải quyết bài tập. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức nghiêm túc, tự giác trong làm bài KT 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học				
Chương IV- Chủ đề hô hấp (4 tiết- Bài 20, 21, 22, 23)							
10	21,22 23,24	Chủ đề: Hô hấp	1. Kiến thức: - Nêu ý nghĩa hô hấp. - Kể tên các cơ quan trong hệ hô hấp và chức năng của chúng. - Trình bày động tác thở (hít vào, thở ra)		* Kỹ năng sống: + Kỹ năng ra quyết định hình thành các kỹ năng bảo vệ hệ hô hấp khỏi các tác nhân có	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 4 tiết	

		Bài 20-22: Tìm hiểu Cơ quan, hoạt động hô hấp - Hoạt động stem : Lá Phổi Kì diệu	với sự tham gia của các cơ thở. - Nêu rõ khái niệm về dung tích sống lúc thở sâu (bao gồm : khí lưu thông, khí bổ sung, khí dự trữ và khí cặn). - Trình bày cơ chế của sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào. - Trình bày đc phản xạ tự điều hòa hô hấp trong hô hấp bình thường - Kể các bệnh chính về hô hấp (viêm phổi, lao phổi, viêm phế quản) . Nêu các biện pháp vệ sinh hô hấp. Tác hại của thuốc lá. - Giải thích được cơ sở khoa học của việc luyện tập thể dục thể thao đúng cách - Đề ra biện pháp luyện tập để có một hệ hô hấp khoẻ mạnh và tích cực hành động ngăn ngừa các tác nhân gây ô nhiễm không khí - Học sinh hiểu rõ cơ sở khoa học của hô hấp nhân tạo. - Nêu được các tác nhân gây gián đoạn quá trình hô hấp và biện pháp loại bỏ tác nhân	- Tranh phóng to H20.1-20.3 SGK - Máy tính, máy chiếu Tranh phóng to H21.1-21.4 SGK	hại và tập luyện hô hấp thường xuyên. + Kỹ năng tư duy phê phán: những hành vi gây hại đường hô hấp cho chính bản thân và cho người xung quanh. + Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực trong hoạt động nhóm. + Kỹ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. + Kỹ năng ứng phó tình huống làm gián đoạn hô hấp (ngạt nước, điện giật, thiếu khí). + Kỹ năng thu thập và xử lí thông tin về hô hấp nhân tạo. + Kỹ năng viết thu hoạch. + Kỹ năng quản lí thời gian và đảm nhận trách nhiệm. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân	- Mục II. Bảng 20.-Khuyến khích học sinh tự đọc - Mục II. Lệnh ▼ trang 66- Không thực hiện. - Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2-Không thực hiện Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2- Không thực hiện * sản phẩm STEM: "Thiết kế và chế tạo mô hình hoạt động của phổi"	
		Bài 22- Vệ sinh hô hấp	- Biết được phương pháp hà hơi thổi ngạt và phương pháp ấn lồng ngực. 2. Kỹ năng. - Kỹ năng quan sát kênh chữ, kênh hình, thảo luận nhóm - Rèn kỹ năng quan sát tranh hình phát hiện kiến thức, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Sơ cứu ngạt thở - làm hô hấp nhân	Bảng 22 – Các tác nhân gây hại đường hô hấp. Một số hình ảnh về ô nhiễm không khí và tác hại			

			tạo 3. Thái độ: - Có ý thức và hành động bảo vệ hệ hô hấp, bảo vệ môi trường - Nghiêm túc trong khi thực hành 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung. - BVMT chống BĐKH: HS có ý thức bảo vệ cây xanh, trồng cây gây rừng, giảm thiểu chất thải độc vào không khí.		
Chương V- Chủ đề: Tiêu hóa (7 Tiết – Từ bài 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30)							
11	25,26 27,28 29,30 31	Chủ đề: Tiêu hóa	1. Kiến thức: - Trình bày vai trò của các cơ quan tiêu hoá trong sự biến đổi thức ăn về hai mặt lí học (chủ yếu là biến đổi cơ học) và hoá học (trong đó biến đổi lí học đã tạo điều kiện cho biến đổi hoá học). - Nêu những biến đổi thức ăn ở miệng: biến đổi lí học (nhai, nghiền,		*Kĩ năng sống: + KN tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh, sơ đồ. + KN giao tiếp, lắng nghe tích cực khi hoạt động nhóm. + KN tự tin khi trình	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 7 tiết	
		Bài 24 - Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa		Tranh phóng to H24.1- 24.3 SGK			

	Bài 25 - Tiêu hóa ở khoang miệng	đảo trộn thức ăn), biến đổi hoá học (biến đổi tinh bột thành đường mantôzơ). - Nắm được hoạt động nuốt và đẩy thức ăn từ trong khoang miệng qua thực quản xuống dạ dày.	Máy tính, máy chiếu Tranh phóng to H25.1-21.3 SGK	bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. + KN ra quyết định: không sử dụng nhiều các chất không có lợi cho tiêu hóa như: thuốc lá, rượu, cà phê, aspirin liều cao; không ăn mặn vì có thể làm thủng dạ dày; ăn uống điều độ; tránh căng thẳng thần kinh. + KN đặt mục tiêu bảo vệ hệ tiêu hóa và đảm bảo tiêu hoá có hiệu quả. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học.	
	Bài 26- Thực hành: Tìm hiểu hoạt động của enzim trong nước bọt	- HS nắm được cấu tạo của dạ dày. - Trình bày được những biến đổi thức ăn ở dạ dày - HS nêu được cấu tạo của ruột non phù hợp với chức năng tiêu hóa thức ăn. - Trình bày sự biến đổi của thức ăn trong ruột non và sự biến đổi hoá học nhờ các dịch tiêu hoá do các tuyến tiêu hoá tiết ra đặc biệt ở ruột			Cả bài - Không thực hiện
	Bài 27 - Tiêu hóa ở dạ dày	- Nêu đặc điểm cấu tạo của ruột phù hợp chức năng hấp thụ, xác định con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng đã hấp thụ.	Tranh phóng to H27.1-27.3 SGK		Mục I. Lệnh ▼ trang 87, ý 2 (Căn cứ...)- Không dạy
	Bài 28 - Tiêu hóa ở ruột non	- Nêu được các con đường vận chuyển các chất dinh dưỡng từ ruột non tới các cơ quan, tế bào, vai trò của gan trên con đường vận chuyển các chất	Tranh phóng to H28.1-28.3 SGK		Mục I. Lệnh ▼ trang 90- Không thực hiện
	Bài 29- Hấp thụ dinh dưỡng và thải phân	- Nêu được vai trò của ruột già trong quá trình tiêu hóa	Tranh phóng to H29.3 SGK		Mục I. Hình 29.1; Hình 29.2 và nội dung liên quan - Không dạy
	Bài 30 - Vệ sinh tiêu hóa	- HS nắm được các tác nhân gây hại cho hệ tiêu hoá và mức độ tác hại của nó. - HS trình bày được các biện pháp bảo vệ hệ tiêu hoá và đảm bảo sự tiêu hoá có hiệu quả.	Bảng phụ bảng 30.1 – 30.2		

				2. Kỹ năng. - Rèn luyện kĩ năng quan sát kênh hình, phân tích kênh chữ, tư duy tổng hợp logic, hoạt động nhóm. 3. Thái độ: - Có ý thức và hành động bảo vệ hệ tiêu hóa 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		+ Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung. - BVMT, chống BĐKH Ngoài yêu cầu vệ sinh trước khi ăn và ăn chín, uống sôi, còn phải bảo vệ môi trường nước, đất bằng cách sử dụng hợp lí thuốc bảo vệ thực vật và phân hóa học để có được thức ăn sạch -» Học sinh hiểu được những điều kiện để đảm bảo chất lượng cuộc sống.		
Chương VI: Trao đổi chất và năng lượng								
12	32	Bài Trao đổi chất	31-đổi	1. Kiến thức: - Phân biệt trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường ngoài và trao đổi chất giữa tế bào của cơ thể với môi trường trong 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kĩ năng quan sát phân tích kênh hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ sức khỏe. 4. Phát triển năng lực:	Tranh phóng to H31.1-31.2 SGK	*GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật. Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể		

			- Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức... - BVMT chống BĐKH: HS hiểu được những điều kiện để đảm bảo chất lượng cuộc sống		
15	33	Bài 32 - Chuyển hóa	1. Kiến thức: Phân biệt sự trao đổi chất giữa môi trường trong với tế bào và sự chuyển hoá vật chất và năng lượng trong tế bào gồm 2 quá trình đồng hoá và dị hoá có mối quan hệ thống nhất với nhau - Trình bày mối quan hệ giữa dị hoá và thân nhiệt. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng quan sát phân tích kênh hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ sức khỏe. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri	Tranh phóng to H32.1SGK	*GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật. Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức... - BVMT chống BĐKH: HS có ý thức bảo vệ cây xanh, trồng cây xanh ở trường học	Mục I. Lệnh ▼ trang 103 - Không thực hiện Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 3 và câu 4* - Không thực hiện	

			thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		và khu dân cư		
16	34	Bài 33 - Thân nhiệt	1. Kiến thức: - Giải thích cơ chế điều hoà thân nhiệt, bảo đảm cho thân nhiệt luôn ổn định. - Giải thích các cơ chế điều hoà thân nhiệt đảm bảo thân nhiệt luôn ổn định - Giải thích được cơ sở khoa học và vận dụng được vào đời sống các biện pháp chống nóng lạnh để phòng cảm nóng, cảm lạnh 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng quan sát liên hệ vận dụng kiến thức vào thực tế. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức giữ gìn bảo vệ sức khỏe. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Sưu tầm tranh ảnh về bảo vệ môi trường sinh thái - Máy tính, máy chiếu	* Kỹ năng sống: - KN tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu cơ chế đảm bảo thân nhiệt ổn định của cơ thể, các phương pháp phòng chống nóng lạnh. - KN hợp tác, ứng xử/ giao tiếp trong thảo luận. - KN tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. *GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật. Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động		

					nhóm, tự tìm hiểu kiến thức...		
17	35	Bài 35: Ôn tập học kì I	1. Kiến thức: - Hệ thống hoá kiến thức học kì I. - Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. 2. Kỹ năng. - Rèn các kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, tái hiện kiến thức, tổng hợp, tư duy logic ... - Rèn KN hoạt động nhóm. 3. Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học	-Máy chiếu,vở bài tập			
18	36	Bài đánh giá học kì I	1. Kiến thức: - Hệ thống hoá kiến thức học kì I. - Vận dụng các kiến thức đã học. 2. Kỹ năng. - Rèn các kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, tái hiện kiến thức, tổng hợp, tư duy logic ... 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức nghiêm túc, tự giác trong làm bài KT 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học,	Đề bài thi tự luận			

			Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học				
HỌC KỲ II 17 tuần(2 tiết/tuần) = 34 tiết							
17	37	Bài 34- Vitamin và muối khoáng	1. Kiến thức: - Trình bày được vai trò của vitamin và muối khoáng. - Vận dụng những hiểu biết về vitamin và muối khoáng trong việc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý và chế biến thức ăn. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, liên hệ thực tế, hoạt động nhóm 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức vệ sinh thực phẩm . - Biết cách phối hợp , chế biến thức ăn khoa học . 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu	- Tranh ảnh một số nhóm thức ăn chứa Vitamin và muối khoáng , Tranh trẻ em bị còi xương do thiếu Vitamin D, bướu cổ do thiếu Iốt.	* Kỹ năng sống: - KN xử lý và thu thập thông tin khi đọc SGK và tham khảo một số tài liệu khác, các bảng biểu để tìm hiểu vai trò, nguồn cung cấp và cách phối hợp khẩu phần ăn hàng ngày đáp ứng nhu cầu vitamin và muối khoáng cho cơ thể. - KN chủ động ăn uống các chất cung cấp nhiều vitamin và muối khoáng. - KN tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. *GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật.		

			khoa học		Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức...		
18	38	Bài 36: Tiêu chuẩn ăn uống – Nguyên tắc lập khẩu phần	1. Kiến thức: - Nêu được khẩu phần là gì, vì sao cần xây dựng khẩu phần ăn cho mỗi người. - Trình bày nguyên tắc lập khẩu phần đảm bảo đủ chất và lượng. 2. Kỹ năng. Rèn luyện kỹ năng quan sát, và phân tích kênh hình. - Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào đời sống. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường nước, đất nâng cao chất lượng cuộc sống. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ	Bảng phụ lục giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn.	* Kỹ năng sống: - KN thu thập và xử lý thông tin khi đọc SGK, để tìm hiểu nguyên tắc xây dựng khẩu phần hằng ngày đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho cơ thể. - KN xác định giá trị: cần cung cấp hợp lý và đủ chất dinh dưỡng để có 1 cơ thể khỏe mạnh. - KN hợp tác, lắng nghe tích cực. - KN tự tin trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. *GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong		

			- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật. Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức... - BVMT: GD HS ý thức bảo vệ MT nước, đất bằng cách sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ TV và phân hóa học để có được thức ăn sạch		
19	39	Bài 37- Thực hành: Phân tích một khẩu phần cho trước	1. Kiến thức: - HS nắm được các bước lập khẩu phần dựa trên các nguyên tắc lập khẩu phần. -HS tự ptích khẩu phần ăn của bản thân nhận xét và điều chỉnh sao cho phù hợp. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, thảo luận nhóm. Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế đời sống: lập được khẩu phần ăn hằng ngày.	Bảng phụ lục giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn. Bảng phụ bảng 37.1- 37.3 SGK	* Kỹ năng sống: KN tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK và các bảng thành phần dinh dưỡng để lập khẩu phần ăn phù hợp đối tượng. - KN tự nhận thức: xác định được nhu cầu dinh dưỡng của bản thân. - KN quản lý thời gian và đảm nhận trách		

			3. Thái độ: - Giáo dục ý thức bảo vệ sức khỏe , chống suy dinh dưỡng và béo phì 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học, Năng lực thực hành.		nhiệm được phân công. *GDĐĐ: - Tôn trọng: Các qui luật vận động của tự nhiên trong chuyển hóa vật chất và năng lượng ở sinh vật. Tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật trong các hoạt động chuyển hóa vật chất. Sự gắn bó mật thiết giữa cơ thể với môi trường - Tinh thần hợp tác, đoàn kết, trung thực trong các hoạt động nhóm, tự tìm hiểu kiến thức...		
--	--	--	--	--	--	--	--

Chương VII - Chủ đề - Bài tiết (3 tiết - Bài 38, 39, 40)

20	40,41 42	Chủ đề: Bài tiết	1. Kiến thức: - Nêu rõ vai trò của sự bài tiết: - Mô tả cấu tạo của thận và chức năng lọc máu tạo thành nước tiểu		*Kĩ năng sống: - KN tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp.	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 3 tiết	
		Bài 38 - Bài tiết và cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu	- HS nắm được quá trình tạo thành nước tiểu và thực chất của quá trình tạo thành nước tiểu. - Nắm được quá trình thải nước tiểu, chỉ ra được sự khác biệt giữa nước tiểu đầu và huyết tương, nước tiểu đầu và nước tiểu chính thức. - Kể một số bệnh về thận và đường tiết niệu. Cách phòng tránh các bệnh	Tranh phóng to H38.1SGK	- KN thu thập và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu vai trò của hệ bài tiết, các cơ quan bài tiết và cấu tạo hệ bài tiết nước tiểu. - KN lắng nghe tích cực, hợp tác khi hoạt	Mục II. Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu- Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.	
		Bài 39 -		Tranh phóng to		- Mục I. Tạo	

		Bài tiết nước tiểu	này. 2. Kỹ năng. - Phát triển kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình, vận dụng kiến thức giải thích hiện tượng thực tế. - Rèn kỹ năng hoạt động nhóm. 3. Thái độ: - Có ý thức và hành vi xây dựng nếp sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh tác nhân có hại. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	to H39.1SGK	động nhóm. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung.	thành nước tiểu-Không dạy chi tiết, chỉ dạy sự tạo thành nước tiểu ở phần chữ đóng khung ở cuối bài. - Mục II. Lệnh ▼ trang 127- Không thực hiện	
Chương VIII- Chủ đề - Da (2 tiết- Bài 41, 42)							
21	43,44	Chủ đề: Da	1. Kiến thức: - Mô tả được cấu tạo của da và các chức năng có liên quan. - Kể một số bệnh ngoài da (bệnh da liễu) và cách phòng tránh 2. Kỹ năng. - Phát triển kỹ năng quan sát và phân		*Kỹ năng sống: + Kỹ năng tự nhận thức: không nên lạm dụng kem phấn, nhổ bỏ lông mày, dùng bút kẻ lông mày. + Kỹ năng thu thập và	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 2 tiết	
		Bài 41- Cấu tạo và chức năng		Tranh phóng to H41 SGK		Mục I. Cấu tạo của da-Không dạy chi tiết, chỉ	

		của da	tích kênh hình. - - Vận dụng kiến thức vào việc giữ gìn vệ sinh và rèn luyện da. 3. Thái độ:		xử lý thông tin khi đọc sách giáo khoa, quan sát mô hình để tìm hiểu đặc điểm cấu tạo và chức năng của da, các thói quen xấu làm ảnh hưởng đến da.	giới thiệu cấu tạo ở phần chữ đóng khung ở cuối bài.	
		Bài 42- Vệ sinh da	- Có ý thức giữ gìn vệ sinh da, bảo vệ da 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Bảng phụ bảng 42.1- 42.2 SGK	+ Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực. + Kỹ năng tự tin khi phát biểu ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. + Kỹ năng giải quyết vấn đề: các biện pháp khoa học để bảo vệ da. + Kỹ năng ứng xử, giao tiếp trong khi thảo luận. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong		

					làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung - Giáo dục BVMT: GD ý thức giữ gìn vs nguồn nước vệ sinh nơi ở và nơi công cộng		
Chương IX: Thần kinh và giác quan							
22	45	Bài 43- Giới thiệu chung hệ thần kinh	1. Kiến thức: - Nêu rõ các bộ phận của hệ thần kinh và cấu tạo của chúng. - Khái quát chức năng của hệ thần kinh. 2. Kỹ năng. - Rèn kĩ năng quan sát, và phân tích kênh hình. Rèn kĩ năng hoạt động nhóm. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn , bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri	Tranh phóng to hình 43.2, Bảng phụ	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát	Mục I. Noron - đơn vị cấu tạo của hệ thần kinh-Không dạy	

			thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
23	46	Bài 44- Thực hành: Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tủy sống	1. Kiến thức: - HS Tiến hành thành công các thí nghiệm quy định. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, thực hành. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn , bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học, Năng lực thực hành.	-Máy tính, máy chiếu -Bảng phụ - DD HCl 0,1%; 1%; 3% - Giá treo, kim nhọn, dao, khay mổ động vật. - Ếch, bông, khăn lau	*Kĩ năng sống: - KN tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK và quan sát giáo viên làm mẫu để tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tủy sống. - KN hợp tác, lắng nghe tích cực khi hoạt động nhóm. - KN quản lí thời gian và đảm nhận trách nhiệm trong thực hành. - KN ứng xử, giao tiếp trong khi làm thí nghiệm. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học	Mục III.2. Nghiên cứu cấu tạo của tủy sống-Không dạy	

					trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
24	47	Bài 45- Dây thần kinh tủy	1. Kiến thức: - Trình bày được cấu tạo và chức năng của thần kinh tủy. - H.s giải thích được vì sao dây thần kinh là dây pha. 2. Kỹ năng. - Phát triển kỹ năng quan sát, và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 4,5.1-45.2, Bảng phụ	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của		

					mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
25	48	Bài 46-Trụ não, tiểu não, não trung gian	1. Kiến thức: - Xác định được vị trí các thành phần của trụ não. - Trình bày được chức năng chủ yếu của trụ não. - Xác định được vị trí và chức năng của tiểu não. - Xác định được vị trí và chức năng chủ yếu của não trung gian. 2. Kỹ năng. - Phát triển kỹ năng quan sát, và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 46 – 1,2,3	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung	- Mục II, Mục III và Mục IV- Không dạy chi tiết cấu tạo, chỉ dạy vị trí và chức năng các phần. - Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 1- Không thực hiện	
26	49	Bài 47-Đại não	1. Kiến thức: - HS nắm rõ được cấu tạo của đại não người, đặc biệt là vỏ đại não thể hiện sự tiến hoá so với động vật lớp thú. - Xác định được các vùng chức năng	Tranh phóng to hình 47 – 1,2,3,4; mô hình não	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật.	Mục II. Lệnh ▼ trang 149- Không dạy	

			của vỏ đại não người. 2. Kỹ năng. - Phát triển kỹ năng quan sát, và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		+ Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
27	50	Bài 48- Hệ thần kinh sinh dưỡng	1. Kiến thức: - Phân biệt được phản xạ sinh dưỡng và phản xạ vận động. - Phân biệt được bộ phận giao cảm với bộ phận đối giao cảm trong hệ thần kinh sinh dưỡng về cấu tạo và chức năng. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ thần kinh 4. Phát triển năng lực:	Tranh phóng to hình 48 – 1,3;	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách	- Mục I. Hình 48.2 và nội dung liên quan trong lệnh ▼ Không dạy - Mục II. Bảng 48.1 và nội dung liên quan-Không dạy - Mục III. Bảng 48.2 và nội dung liên	

			- Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung	quan-Không dạy - Mục Câu hỏi và bài tập: Câu 2-Không thực hiện - Các nội dung còn lại của bài-Không dạy chi tiết, chỉ dạy phần chữ đóng khung ở cuối bài.	
Chủ đề-Cơ quan phân tích (3 tiết- Bài 49, 50, 51)							
28	51,52 53	Chủ đề: Cơ quan phân tích	1. Kiến thức: - Nắm được thành phần của một cơ quan phân tích. Nêu được ý nghĩa của các cơ quan phân tích đối với cơ thể. - Nắm được các thành phần chính của cơ quan phân tích thị giác, nêu rõ được cấu tạo của màng lưới trong cầu mắt. - Nắm được biểu hiện, nguyên nhân, cách khắc phục, cách phòng tránh của tật cận thị và viễn thị. - Nêu được nguyên nhân của bệnh đau mắt hột, con đường lây truyền và cách phòng tránh. - Mô tả cấu tạo của tai và trình bày chức năng thu nhận kích thích của sóng âm bằng một sơ đồ đơn giản. - Phòng tránh các bệnh tật về mắt và tai.	Tranh phóng to hình 49 – 1,2; bảng phụ	* Kỹ năng sống: + KN tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh, sơ đồ để tìm hiểu về cơ quan phân tích - Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận. + KN tự tin khi trình bày ý kiến trước tổ, nhóm, lớp. + KN giải quyết vấn đề, kĩ năng ra quyết định. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 3 tiết	
		Bài 49- Cơ quan phân tích thị giác				- Mục II.1. Hình 49.3 và các nội dung liên quan-Không dạy - Mục II.2. Cấu tạo của màng lưới-Không dạy chi tiết, chỉ giới thiệu các thành phần của màng lưới. - Mục II. Lệnh ▼	

			2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng quan sát, tư duy so sánh, liên hệ thực tế. - Có kỹ năng phân tích cấu tạo của 1 loại cơ quan qua phân tích tranh. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức bảo vệ cơ quan phân tích.		cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung - BVMT chống BĐKH: Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, đặc biệt là giữ vệ sinh nguồn nước, không khí... Trồng cây xanh để giảm bụi bẩn, tăng cường sử dụng các phương tiện giao thông công cộng (xe bus) để	trang 156- Không thực hiện - Mục II.3. Lệnh ▼ trang 157- Không thực hiện	
		Bài 50- Vệ sinh mắt	4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 50 – 1,2; bảng phụ			
		Bài 51- Cơ quan phân tích thính giác		Tranh cấu tạo tai		- Mục I. Hình 51.2. và các nội dung liên quan đến cấu tạo ốc tai- Không dạy - Mục I. Lệnh ▼ trang 163- Không thực hiện	

					giảm khí thải, dùng xăng sinh học. Giáo dục ý thức phòng tránh ô nhiễm tiếng ồn, giữ cho môi trường yên tĩnh. Có ý thức trồng-nhiều cây xanh để giảm tiếng ồn.		
29	54	Bài đánh giá giữa kì I	1. Kiến thức: - Kiểm tra kiến thức của HS từ chương VI tới chương IX, đánh giá năng lực học tập của HS. - Thấy ưu, nhược điểm của HS giúp GV tìm nguyên nhân, điều chỉnh và đề ra phương án giải quyết giúp HS học tập tốt. 2. Kỹ năng. - Khái quát hóa kiến thức, thông hiểu. - Nhận biết, tái hiện kiến thức; phân tích, so sánh. - Vận dụng kiến thức giải quyết bài tập. 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức nghiêm túc, tự giác trong làm bài KT 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học				

30	55	Bài 52- PXXĐK và PXCĐK	1. Kiến thức: - Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. Nêu rõ ý nghĩa của các phản xạ này đối với đời sống của sinh vật nói chung và con người nói riêng. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện KN quan sát kênh hình, tư duy so sánh, liên hệ thực tế 3. Thái độ: - GD ý thức bảo vệ cơ thể và ý thức rèn luyện thói quen tốt. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	- Máy chiếu, máy tính - Bảng phụ và phiếu học tập	* Kỹ năng sống: + Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát sơ đồ tranh ảnh để tìm hiểu khái niệm, sự hình thành và ức chế của phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện, so sánh tính chất của phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện. + Kỹ năng hợp tác, lắng nghe tích cực. + Kỹ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong		
----	----	------------------------------	---	--	--	--	--

					làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
31	56	Bài 53- Hoạt động thần kinh cấp cao ở người	1. Kiến thức: - Phân tích được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các PXCĐK ở người với động vật nói chung và thú nói riêng. - Trình bày được vai trò của tiếng nói, chữ viết và khả năng tư duy, trừu tượng ở người. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện KN quan sát, tư duy so sánh, liên hệ thực tế 3. Thái độ: - GD ý thức bảo vệ cơ thể và ý thức rèn luyện thói quen tốt. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	- Máy chiếu, máy tính	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		

32	57	Bài 54- Vệ sinh hệ thần kinh	1. Kiến thức: - Nêu rõ tác hại của rượu, thuốc lá và các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. 2. Kỹ năng. - Rèn luyện kỹ năng tư duy, liên hệ thực tế. Kỹ năng: Giữ vệ sinh hệ thần kinh 3. Thái độ: - GD ý thức bảo vệ cơ thể và ý thức rèn luyện thói quen tốt. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	- Bảng phụ và phiếu học tập	* Kỹ năng sống: - Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, sách báo để tìm hiểu các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh. - Kỹ năng từ chối: không sử dụng, lạm dụng các chất kích thích hay chất ức chế hệ thần kinh. - Kỹ năng lắng nghe tích cực, ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách		
----	----	------------------------------------	--	-----------------------------------	---	--	--

					nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
Chương X: Nội tiết							
33	58	Bài 55- Giới thiệu chung hệ nội tiết	1. Kiến thức: - Phân biệt tuyến nội tiết với tuyến ngoại tiết theo cốc tiều chớ:cấu tạo, vai trũ, vớ dụ. - Nêu được các tuyến nội tiết chính của cơ thể và vị trí của chúng. - Trình bày được vai trò và tính chất của các sản phẩm tiết của tuyến nội tiết từ đó nêu rõ được tầm quan trọng của tuyến nội tiết với đời sống. 2. Kỹ năng. - Có kĩ năng quan sát và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ nội tiết 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 55 – 1,2,3	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
Chủ đề- Tuyến nội tiết (3 tiết- Bài 56, 57, 58)							

34	59,60 61	Chủ đề- Tuyên nội tiết	1. Kiến thức: - Xác định vị trí, nêu rõ chức năng của tuyến yên, tuyến giáp - Xác định vị trí, nêu rõ chức năng của tuyến tụy và tuyến trên thận - Xác định vị trí, nêu rõ chức năng của tuyến sinh dục. 2. Kỹ năng. - Có kỹ năng quan sát và phân tích kênh hình. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ nội tiết 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		* Kỹ năng sống: + Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu đặc điểm cấu tạo và chức năng của tuyến yên, tuyến giáp, tuyến tụy và tuyến trên thận, tuyến sinh dục. + KN tự nhận thức: tự tin, thoải mái chia sẻ về những thay đổi và vướng mắc của bản thân khi đến tuổi dậy thì. + Kỹ năng ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận. + Kỹ năng tự tin khi trình bày ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. *GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học	Tích hợp thành chủ đề, dạy trong 3 tiết	
		Bài 56- Tuyến yên, tuyến giáp		Tranh phóng to hình 56 – 1,2,3		Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.	
		Bài 57 - Tuyến tụy và tuyến trên thận		Tranh phóng to hình 57 – 1,2		Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.	
		Bài 58 - Tuyến sinh dục		Tranh phóng to hình 58 – 1,2,3. Bảng phụ		Không dạy chi tiết, chỉ dạy vị trí và chức năng của các tuyến.	

					trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
35	62	Bài 59- Sự điều hòa và phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết	1. Kiến thức: - Trình bày quá trình điều hoà và phối hợp hoạt động của một số tuyến nội tiết 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ nội tiết 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 59 – 1,2,3	*GDĐĐ: + Tôn trọng tính thống nhất giữa cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể sinh vật. + Yêu thương sức khỏe bản thân, có trách nhiệm vệ sinh cá nhân và MT sống + Tôn trọng những thành tựu của khoa học trong nghiên cứu cơ thể người. + Trung thực, khách quan, nghiêm túc trong làm việc và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn, trách nhiệm, đoàn kết, phát huy tính sáng tạo của		

					mỗi cá nhân, độc lập, tự chủ trong suy nghĩ và hành động vì lợi ích chung		
Chương XI: Sinh sản							
36	63	Bài60- Cơ quan sinh dục nam	1. Kiến thức: - Kể tên và xác định được các bộ phận trong cơ quan sinh dục nam và đường đi của tinh trùng từ nơi sinh sản đến khi ra ngoài cơ thể. - Nêu được chức năng cơ bản của các bộ phận đó. - Nêu rõ được đặc điểm của tinh trùng. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 60 – 1,2; Bảng phụ	* Kỹ năng sống: + KN tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu cấu tạo và chức năng của các bộ phận trong cơ quan sinh dục nam. + KN giao tiếp: tự tin nói với các bạn trong nhóm/ lớp tên gọi các bộ phận của cơ quan sinh dục nam và chức năng của chúng. + Kĩ năng lắng nghe tích cực. *GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành niên.		

					-> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng, khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác.		
37	64	Bài 61 - Cơ quan sinh dục nữ	1. Kiến thức: - Kể tên và xác định được trên tranh các bộ phận trong cơ quan sinh dục nữ. - Nêu được chức năng cơ bản của cơ quan sinh dục nữ. - Nêu được đặc điểm của trứng. 2. Kỹ năng: - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 61 – 1,2; Bảng phụ	* Kỹ năng sống: + Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu cấu tạo và chức năng của các bộ phận trong cơ quan sinh dục nữ. + Kỹ năng giao tiếp: tự tin nói với các bạn trong nhóm/ lớp tên gọi các bộ phận của cơ quan sinh dục nữ và chức năng của các bộ phận. + Kỹ năng lắng nghe tích cực. *GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành		

					niên. -> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng, khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác.		
38	65	Bài 62 - Thụ tinh, thụ thai và sự phát triển của thai	1. Kiến thức: - Trình bày những điều kiện cần để trứng được thụ tinh và phát triển thành thai, - Giải thích được hiện tượng kinh nguyệt. 2. Kỹ năng: - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục, có hành vi xây dựng tình bạn trong sáng, lối sống lành mạnh, làm chủ bản thân. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học	Tranh phóng to hình 61 – 1,2,3;	* Kỹ năng sống: + Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu đặc điểm quá trình thụ tinh, thụ thai, sự phát triển của thai. + Kỹ năng ứng xử/ giao tiếp trong khi thảo luận. + Kỹ năng lắng nghe tích cực. *GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành niên. -> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng,		

					khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác.		
39	66	Bài63- CSKH của các biện pháp tránh thai	1. Kiến thức: - Nêu rõ cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai. - Giải thích được cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai, từ đó xác định được các nguyên tắc cần tuân thủ để tránh thai. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích hình, liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục, có hành vi xây dựng tình bạn trong sáng, lối sống lành mạnh, làm chủ bản thân. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		* Kỹ năng sống: - Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai - Kỹ năng ra quyết định: tự xác định cho mình một phương pháp tránh thai thích hợp. - Kỹ năng từ chối: từ chối những lời rủ rê quan hệ tình dục sớm dẫn đến mang thai ngoài ý muốn. - Kỹ năng ứng phó với những tình huống ép buộc... *GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành		

					niên. -> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng, khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác. - GD BVMT: Ảnh hưởng của sự gia tăng DS và trình độ dân trí của nd đối với việc khai thác, SD tài nguyên ĐV, TV và k/n đáp ứng của chúng đ/v con người		
40	67	Bài 64- Các bệnh lây qua đường sinh dục (Bệnh tình dục)	1. Kiến thức: - Nêu sơ lược các bệnh lây qua đường sinh dục và ảnh hưởng của chúng tới sức khỏe sinh sản vị thành niên. - Xác định rõ con đường lây truyền để tìm cách phòng ngừa đối với mỗi bệnh. Tự giác phòng tránh, sống lành mạnh, quan hệ tình dục an toàn. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục, có hành vi xây dựng tình bạn trong sáng, lối sống lành mạnh, làm chủ bản thân. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao	Tranh phóng to hình 64; Bảng phụ	* Kỹ năng sống: - Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin khi đọc SGK + KN từ chối: từ chối những lời rủ rê qhệ tình dục sớm và tđục không an toàn. + KN đạt mục tiêu: không để lây nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tđục. + KN ứng phó với những tình huống ép buộc, dụ dỗ, lừa gạt quan hệ tình dục. + Kỹ năng quản lý thời gian, KN trình bày sáng tạo.		

			tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ		*GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành niên. - Hiểu đúng các con đường lây nhiễm HIV để tránh xa lánh, kỳ thị đối với bệnh nhân HIV. Giúp họ có niềm tin để sống lành mạnh và tránh lây lan bệnh cho cộng đồng. -> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng, khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác.		
41	68	Ôn tập học kì II	1. Kiến thức: - Hệ thống hoá kiến thức học kì II. - Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. 2. Kỹ năng. - Rèn các kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, tái hiện kiến thức, tổng hợp, tư	Bảng phụ			

			duy logic ... - Rèn KN hoạt động nhóm. 3. Thái độ: - Yêu thích bộ môn 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học				
42	69	Đánh giá Học kì II	1. Kiến thức: - Hệ thống hoá kiến thức học kì II. - Vận dụng các kiến thức đã học. 2. Kỹ năng. - Rèn các kĩ năng hệ thống hóa kiến thức, tái hiện kiến thức, tổng hợp, tư duy logic ... 3. Thái độ: - Giáo dục ý thức nghiêm túc, tự giác trong làm bài KT 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học				
43	70	Bài 65- Đại dịch AIDS thảm họa	1. Kiến thức: - Trình bày rõ các tác hại của bệnh AIDS. Nêu được đặc điểm sống của virut gây bệnh AIDS. Chỉ ra được các	Tranh phóng to hình 64; Bảng phụ	* Kỹ năng sống: + Kỹ năng tìm kiếm và xử lí thông tin khi đọc SGK, các tài liệu khác		

		của loài người con đường lây truyền và đưa ra cách phòng ngừa bệnh AIDS. 2. Kỹ năng. - Rèn kỹ năng quan sát, phân tích liên hệ thực tế. 3. Thái độ: - Có ý thức giữ gìn, bảo vệ hệ sinh dục, có hành vi xây dựng tình bạn trong sáng, lối sống lành mạnh, làm chủ bản thân. 4. Phát triển năng lực: - Năng lực chung: Năng lực tự học, Năng lực tự quản lý, Năng lực giao tiếp, hợp tác, Năng lực tư duy giải quyết vấn đề, Năng lực sử dụng ngôn ngữ - Năng lực chuyên biệt: Năng lực tri thức sinh học, Năng lực nghiên cứu khoa học		để tìm hiểu về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, tìm hiểu vì sao HIV/AIDS là đại dịch thảm họa của loài người, từ đó ra quyết định cần phải làm gì góp phần ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS. + KN giao tiếp: cảm thông chia sẻ và động viên, giúp đỡ người không may bị AIDS/HIV và người thân của họ. + KN ứng phó với những tình huống ép buộc, dụ dỗ, lừa gạt quan hệ tình dục. *GDĐĐ: - Tôn trọng các qui luật của tự nhiên trong sinh sản nhằm duy trì nòi giống của các loài sinh vật. - Có trách nhiệm sống lành mạnh, bảo vệ nòi giống, phòng tránh lây nhiễm các bệnh tình dục, nạo phá thai ở tuổi vị thành niên. - Hiểu đúng các con đường lây nhiễm HIV	
--	--	--	--	---	--

					để tránh xa lánh, kỳ thị đối với bệnh nhân HIV. Giúp họ có niềm tin để sống lành mạnh và tránh lây lan bệnh cho cộng đồng. -> Giáo dục học sinh có thái độ tôn trọng, khoan dung, chung sống hòa bình và hợp tác.		
--	--	--	--	--	---	--	--

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Đông triều, ngày 25 tháng 9 năm 2020
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Lê Thị Kim Oanh

Vương Thị Thảo